TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2022
V/v: "*T/c Hôn N và gia đình xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Việt N, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

Bị đơn: Chị Phan Thị Trang Đ, sinh năm: 1993, địa chỉ: ấp H3, xã N1, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn anh Phạm Việt N như sau: Anh và chị Phan Thị Trang Đ do nhờ người mai mối và được gia đình cha mẹ đôi bên đồng ý tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2013 tại UBND xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang sau đó tổ chức lễ cưới.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung được 14 ngày thì chị Trang Đ yêu cầu anh N đi làm ở thành phố nhưng anh N không đồng ý từ đó phát sinh mâu thuẫn. Chị Trang Đ bỏ về bên cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn liên hệ

qua lại, tới lui với nhau nữa. Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị Trang Đ.

Về con chung: Không có.

Về Tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận trước khi ly thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Bị đơn: Chị Phan Thị Trang Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về tố tụng:

- Chị Phan Thị Trang Đ với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H3, xã N1, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Trang Đ đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự để cho chị Trang Đ biết mà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh N nhưng chị Trang Đ không thực hiện, chị Trang Đ đã cố tình trốn tránh, vắng mặt tại các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, việc vắng mặt của chị Trang Đ không rõ lý do.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Việt N với chị Phan Thị Trang Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2013 tại UBND xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang đây là hôn nhân hợp pháp.

- Anh N và chị Trang Đ sau khi cưới về sống chung chỉ trong 14 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do không cùng chí hướng, bất đồng quan điểm sống rồi dẫn đến ly thân.

Xét thấy: Việc ly thân giữa anh N và Trang Đ thời gian khá dài nhưng không ai tới lui qua lại, không còn quan tâm tới nhau nữa. Điều này chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, việc xin ly hôn của anh N là có căn cứ cần được chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con cái: Không có, miễm xét.

- Về tài sản: Vợ chồng đã tự thỏa thuận trước khi ly thân, anh N không yêu cầu, nghĩ nên miễn xét.

- Về nợ: Không có, miễn xét.

- Về án phí: Anh Phạm Việt N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khỏan 1 Điều 35; Điều 147; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Việt N đối với chị Phan Thị Trang Đ.

2. Về con chung: Miễn xét

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Phạm Việt N phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008684, ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh Phạm Việt N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 9 năm 2022; Chị Phan Thị Trang Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- L- u hồ sơ.

LÊ VĂN TÁM